

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 8 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi

con chung chưa thành niên

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thiết.

2. Bà Bùi Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Than - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung chưa thành niên theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Văn L**, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt, không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T với anh Bùi Văn L kết hôn với nhau là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình ngày 11/7/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng về tính cách và lối sống. Anh L có hành vi đánh đập, xúc phạm chị T nhiều lần. Mặc dù, đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không có gì thay đổi mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy, chị T và anh L đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2024 cho đến nay. Giữa chị T và anh L không còn có sự quan tâm, chăm sóc đối với nhau. Thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị T và anh L có với nhau một con chung tên là Bùi Bảo N, sinh ngày 18/01/2018. Từ khi vợ chồng ly thân nhau, con vẫn ở cùng với chị T. Khi ly hôn, chị T nhận trực tiếp nuôi con và chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Bùi Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Đối với bị đơn - Anh Bùi Văn L vắng mặt tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L công nhận giữa anh và chị Bùi Thị T có quá trình kết hôn và con chung như chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau cũng có nhiều lần xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Do thiếu kiềm chế bản thân, nên anh L có hai lần đánh chị T. Trong đó, một lần anh L đánh chị T tại nơi vợ chồng cùng làm việc tại tỉnh Bắc Ninh vào tháng 10/2023 và một lần đánh chị T tại nhà ở của mình vào tháng 01/2024. Sau khi được hai bên gia đình khuyên bảo, anh L rất hối hận và hứa sẽ khắc phục những khuyết điểm của mình. Anh L mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung, nếu vợ chồng phải ly hôn, anh L nhận trực tiếp nuôi con và chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn cơ bản thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 31/7/2024, do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, nên Tòa án đã phải hoãn phiên tòa. Đến phiên tòa hôm nay, bị

đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn L; Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Bùi Bảo N, sinh ngày 18/01/2018. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị T chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, nên không xét đến. Về quyền thăm nom con của anh L được thực hiện theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, chị T và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến. Về nợ chung: Không có, nên không xét đến. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung chưa thành niên giữa nguyên đơn là chị Bùi Thị T với bị đơn là anh Bùi Văn L; anh L có nơi cư trú tại xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Nhưng tại phiên tòa lần thứ nhất, do bị đơn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án đã phải hoãn phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên tòa lần thứ hai. Nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị T với anh Bùi Văn L là hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình ngày 11/7/2017.

Nguyên nhân ly hôn, theo chị T trình bày do vợ chồng bất đồng về tính cách và lối sống. Anh L đánh đập, xúc phạm chị T nhiều lần. Mặc dù, đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không có gì thay đổi mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2024 cho đến nay.

Về phía anh L công nhận mâu thuẫn của vợ chồng và thời gian vợ chồng đã sống ly thân nhau như chị T trình bày là đúng. Anh L hứa sẽ khắc phục

khuyết điểm của bản thân, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Tòa án đã tiến hành xác minh thực trạng hôn nhân giữa chị T và anh L tại chính quyền địa phương cho thấy: Trong quá trình vợ chồng anh L và chị T chung sống với nhau tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn. Anh L có hành vi bạo lực đối với chị T. Lần gần đây nhất vào tháng 01/2024, do anh L có hành vi bạo lực với chị T, nên Công an xã T đã phải can thiệp, hòa giải. Vợ chồng anh L, chị T đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2024 cho đến nay. Chị T đã đưa con là Bùi Bảo N về sinh sống.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng chị T vẫn không đoàn tụ với anh L. Từ đó cho thấy giữa chị T và anh L không còn có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh L có một con chung tên là Bùi Bảo N, sinh ngày 18/01/2018. Từ khi vợ chồng ly thân nhau, con vẫn sinh sống cùng với chị T, đời sống của con vẫn được bảo đảm. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần giao con cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, đây là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con chung. Tuy nhiên, chị T chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh L đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T đối với anh Bùi Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Bùi Bảo N, sinh ngày 18/01/2018.

Chị Bùi Thị T chưa yêu cầu anh Bùi Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn L tự thỏa thuận, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự thăm về việc ly hôn. Được trừ vào số tiền chị Bùi Thị T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tiền số 0000579 ngày 13/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xin xét xử phúc thẩm. Anh Bùi Văn L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo cùng thời hạn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- THADS huyện Tân Lạc;
- UBND xã Thanh hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình (ĐKKH ngày 11/7/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Văn Mạnh